

Số: /KH-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2026

Thực hiện Quyết định số 3069/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và Kế hoạch số 8637/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh về đào tạo nghề giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh năm 2026, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề năm 2026 đảm bảo chỉ tiêu giao theo Quyết định số 3069/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nguồn lao động trên địa bàn thông qua việc đào tạo trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, giúp người học sau khi kết thúc khóa đào tạo biết vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất, tạo việc làm góp phần cải thiện đời sống, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững.

2. Yêu cầu

Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của xã, phường và chuyển dịch cơ cấu lao động; gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo nghề với nhu cầu của người học, nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, thị trường lao động và giải quyết việc làm sau đào tạo; đảm bảo đào tạo đúng đối tượng, thực hiện đúng chế độ chính sách theo quy định.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, các cơ sở khác có hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp tham gia đào tạo (sau đây gọi tắt là cơ sở đào tạo) phải đảm bảo năng lực đào tạo, có đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo nghề nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động;

tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động sau đào tạo có cơ hội tìm kiếm việc làm, tự tạo việc làm, tăng năng suất lao động, thu nhập góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững tại địa phương.

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và yêu cầu tuyển dụng doanh nghiệp, thị trường lao động, định hướng phát triển kinh tế - xã hội từng xã, phường.

2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo nghề trên toàn tỉnh cho 4.700 người (trong đó: tuyển sinh đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp là 550 người; tuyển sinh đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng là 4.150 người).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp

1.1. Tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh, định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT, việc làm sau tốt nghiệp

Xây dựng quy chế, kế hoạch tuyển sinh và triển khai thực hiện tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm hỗ trợ trong công tác tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tăng cường phối hợp với các Trường THCS, THPT, Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện thông tin, tuyên truyền, tư vấn phân luồng, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp bên cạnh tuyển sinh vào đại học; giúp người học đăng ký vào học các trình độ của giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng tuyên truyền, định hướng các nhóm ngành nghề đào tạo mới như công nghệ thông tin, logistics, công nghiệp năng lượng, xây dựng, du lịch phù hợp theo nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, thị trường lao động và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.2. Xây dựng, đổi mới nội dung chương trình trình độ cao đẳng, trung cấp, tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động

a) Xây dựng, cập nhật, đổi mới nội dung chương trình đào tạo

Tổ chức khảo sát, mở thêm các mã ngành, nghề đào tạo mới đáp ứng theo nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu người học và định hướng phát triển kinh

tế - xã hội của tỉnh.

Tổ chức xây dựng mới; định kỳ tổ chức đánh giá để cải tiến, cập nhật, bổ sung những thay đổi theo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực của người học; những tiến bộ của khoa học, công nghệ trong lĩnh vực ngành, nghề đào tạo; các kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình, những thay đổi trong các môn học, mô đun hoặc nội dung chuyên môn để phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của thị trường lao động theo quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

b) Tổ chức đào tạo, liên kết đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp

Đa dạng hóa các hình thức tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho người học tham gia đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề. Tổ chức thực hiện đào tạo, quản lý chất lượng, đánh giá, công nhận kết quả học tập cho người học theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Tăng cường phối hợp, liên kết với các Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thực hiện liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, quản lý chất lượng, đánh giá và công nhận kết quả học tập cho người học theo quy định tại Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH ngày 05/4/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp.

c) Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đảm bảo 100% đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 10/5/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; tiếp tục tổ chức sắp xếp, bố trí viên chức theo đề án vị trí việc làm; điều chuyển công tác và bố trí đưa đào tạo chuyển đổi đối với những nhà giáo, viên chức không có vị trí việc làm hoặc vị trí việc làm không phù hợp. Tổ chức tuyển dụng nhà giáo đối với những ngành nghề đào tạo thiếu, cần mở rộng quy mô đào tạo, ngành nghề đào tạo mới.

1.3. Chính sách đối với người học

Cập nhật, thông tin, tuyên truyền, triển khai, thực hiện có hiệu quả, đúng quy định các chế độ chính sách cho người học trình độ cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Quyết định 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; Quyết định 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân quy định chính sách hỗ trợ học nghề nội trú đối với học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định tại Nghị quyết số 72/2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu và các văn bản có liên quan, văn bản bổ sung, thay thế.

1.4. Tăng cường kết nối, hợp tác, liên kết với doanh nghiệp trong công tác đào tạo và giải quyết việc làm sau đào tạo

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tăng cường kết nối, hợp tác, liên kết với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, đơn vị sử dụng lao động trong quá trình đào tạo, xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, thực hành, thực tập của người học và nhà giáo, đánh giá kết quả học tập và tuyển dụng người học sau khi tốt nghiệp.

Tăng cường gắn kết, phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, Trung tâm Điều dưỡng người có công và Dịch vụ việc làm tổ chức các hoạt động giao dịch việc làm, thông tin thị trường lao động trong và ngoài tỉnh để kịp thời hỗ trợ việc làm cho người lao động sau đào tạo.

2. Đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng

2.1. Đối tượng

Người học là phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng, trong đó ưu tiên người khuyết tật và các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp; người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm; thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, người chấp hành xong án phạt tù, người sau cai nghiện trở về cộng đồng.

2.2. Điều kiện người học được hỗ trợ đào tạo

a) Trong độ tuổi lao động (nữ từ đủ 15-55 tuổi; nam từ đủ 15-60 tuổi), có nhu cầu học nghề, có trình độ học vấn; trường hợp học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động thì phải đủ 14 tuổi; những người không biết đọc, viết có thể tham gia học những nghề phù hợp thông qua hình thức kèm cặp, truyền nghề và phải đủ sức khỏe phù hợp với ngành nghề cần học.

b) Có phương án tự tạo việc làm sau học nghề đảm bảo tính khả thi theo xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc được đơn vị sử dụng lao động cam kết tuyển dụng hoặc có đơn vị cam kết bao tiêu sản phẩm sau học nghề.

c) Đối với lao động nông thôn: Người lao động có hộ khẩu thường trú tại xã, người lao động có hộ khẩu thường trú tại phường đang trực tiếp làm nông nghiệp hoặc thuộc hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi.

d) Đối với người khuyết tật: Có giấy xác nhận khuyết tật hoặc sổ lĩnh trợ cấp hàng tháng.

đ) Đối với lao động bị mất việc làm:

Trường hợp làm việc theo hợp đồng có một trong các giấy tờ sau: Quyết định thôi việc, buộc thôi việc; quyết định sa thải; thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc; hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.

Trường hợp làm việc không theo hợp đồng: Giấy xác nhận của người sử dụng lao động.

Trường hợp tự tạo việc làm: Giấy đăng ký kinh doanh còn hiệu lực hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (trong trường hợp không có giấy đăng ký kinh doanh).

e) Đối với người đã được hỗ trợ đào tạo nghề nhưng bị mất việc làm thì ngoài các giấy tờ quy định cần bổ sung thêm chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo nghề trước đó.

f) Đối với người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh: Quyết định thu hồi đất còn trong thời hạn được hỗ trợ quy định tại Điều 4 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất bị thu hồi.

2.3. Chính sách đối với người học

a) Hỗ trợ chi phí đào tạo

Mức hỗ trợ cụ thể theo từng ngành, nghề và thời gian học thực tế được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày

24/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về mức chi phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn kèm theo Quyết định 674/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản có liên quan, văn bản bổ sung, thay thế.

b) Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại

Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người khuyết tật; người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp; người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh; lao động nữ bị mất việc làm tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.

Hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 05 km trở lên.

2.4. Quy mô đào tạo, chương trình, hình thức đào tạo, nội dung chi tổ chức đào tạo

a) Quy mô đào tạo: Tối đa 35 học sinh, học viên/lớp.

b) Chương trình, giáo trình đào tạo

Chương trình, giáo trình đào tạo do cơ sở đào tạo xây dựng, thẩm định, ban hành, định kỳ đánh giá, cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với khoa học, kỹ thuật, công nghệ, tình hình thực tiễn của địa phương, điều kiện giảng dạy của cơ sở đào tạo, trình độ của người học theo quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo sơ cấp; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên; Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH.

c) Hình thức hỗ trợ đào tạo

Việc hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng thực hiện theo hình thức đặt hàng theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Riêng đối với trường hợp người học là người khuyết tật, cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách ký hợp đồng đào tạo với cơ sở đào tạo có Đề án tổ chức dạy nghề gắn với việc làm cho người khuyết tật (đào tạo nghề nghiệp theo hình thức truyền nghề, vừa làm vừa học) và thanh quyết toán theo số người khuyết tật thực tế học và mức chi phí đào tạo do cấp có thẩm quyền quy định.

Cơ sở đào tạo nhận hồ sơ của người học, xem xét các điều kiện nhập học, tổ chức đào tạo; đồng thời căn cứ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng có trách nhiệm thanh toán tiền ăn, đi lại cho người học theo quy định tại Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về mức chi phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn kèm theo Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 30/6/2017. Trường hợp người lao động tự ý nghỉ học, bỏ học hoặc buộc thôi học, cơ sở đào tạo quyết toán kinh phí hỗ trợ học nghề theo số lượng học viên và thời gian thực tế tham gia học nghề, thực hiện giảm trừ các chi phí trực tiếp cho học viên như: nguyên, nhiên, vật liệu học nghề, tiền ăn trong thời gian học sinh nghỉ học và tiền đi lại (lướt về).

d) Nội dung chi tổ chức đào tạo

Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Điều 10, Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng; được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí đào tạo nghề được thực hiện từ các nguồn: Ngân sách Trung ương; Ngân sách tỉnh; Ngân sách xã, phường và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

Chỉ đạo các cơ sở đào tạo thực hiện cung cấp dịch vụ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng theo khu vực liên xã, phường; phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh, đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt; kiểm tra, công nhận tốt nghiệp, cấp chứng chỉ; thực hiện công tác giáo vụ, chế độ báo cáo theo quy định; quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo; chi trả đầy đủ kinh phí hỗ trợ cho người học; thanh quyết

toán kinh phí theo đúng quy định pháp luật hiện hành; phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường theo dõi, thống kê, đánh giá hiệu quả giải quyết việc làm của người lao động sau đào tạo.

Tổ chức kiểm tra, giám sát, đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

Định kỳ (trước ngày 31/12) tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chỉ đạo, quản lý công tác đào tạo ngành, nghề nông nghiệp trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng cho người lao động trên địa bàn tỉnh; tổ chức rà soát, đề xuất danh mục ngành nghề đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng cho người lao động lĩnh vực nông nghiệp gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, tham mưu danh mục ngành, nghề đào tạo.

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện đào tạo nghề lĩnh vực nông nghiệp, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Định kỳ (trước ngày 20/12) báo cáo kết quả triển khai thực hiện đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng lĩnh vực nông nghiệp về Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, thực hiện lồng ghép các nguồn vốn ngân sách Trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Huy động, thu hút đầu tư, khuyến khích doanh nghiệp thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tham gia đào tạo nghề, tổ chức đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề cho lao động tại doanh nghiệp, tuyển dụng, sử dụng lao động đã qua đào tạo.

Phối hợp với các sở, ngành thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện kế hoạch.

4. Sở Công Thương

Phối hợp với cơ quan, đơn vị truyền thông cung cấp thông tin có liên quan đến thị trường hàng hóa; liên kết, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm hàng hóa cho người học sau đào tạo nghề khi có nhu cầu.

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân xã, phường khảo sát, đề xuất danh mục ngành nghề đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng cho người lao động trong lĩnh vực quản lý.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, phổ biến thường xuyên, sâu rộng về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội dung Kế hoạch và các chính sách về đào tạo nghề; tăng cường thông tin tuyên truyền những kết quả, hiệu quả và những mô hình hay, điển hình đào tạo nghề gắn với hỗ trợ giải quyết việc làm sau đào tạo tăng thu nhập ổn định và phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị tư vấn, định hướng nghề nghiệp, việc làm; giới thiệu, hỗ trợ việc làm cho người lao động sau tốt nghiệp; phối hợp cung cấp thông tin về thị trường lao động, nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp cho các cơ sở đào tạo; thực hiện các hoạt động giao dịch việc làm, giới thiệu, cung ứng lao động cho các doanh nghiệp.

Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi và đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của sàn giao dịch việc làm, đặc biệt là giao dịch việc làm trực tuyến (thông qua Website: vieclam.laichau.gov.vn), giúp lao động có nhiều cơ hội việc tìm kiếm và lựa chọn việc làm phù hợp sau đào tạo.

Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh hỗ trợ người lao động sau tốt nghiệp được vay vốn tạo việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm.

7. Trường Cao đẳng Lai Châu

Đăng ký chỉ tiêu, xây dựng, ban hành kế hoạch tuyển sinh và đào tạo lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp năm 2026, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi, tổng hợp.

Xây dựng, ban hành, triển khai thực hiện quy chế tuyển sinh, kế hoạch tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh; phối hợp với các Trường THCS, THPT, Trung tâm GDTX-HN tỉnh, các Trung tâm GDNN-GDTX, UBND các xã, phường trong việc thông tin, tuyên truyền, tuyển sinh các ngành/ngành đào tạo, tư vấn định hướng nghề nghiệp, phổ biến các quy định về chính sách giáo dục nghề nghiệp, chính sách hỗ trợ đào tạo, tư vấn định hướng nghề nghiệp, phân luồng, tuyển sinh và tạo việc làm sau đào tạo đến học sinh, người lao động.

Tổ chức khảo sát, mở thêm các mã ngành nghề đào tạo mới đáp ứng theo nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu người học và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xây dựng chương trình đào tạo mới, định kỳ tổ chức đánh giá để cải tiến, cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo theo nhu cầu người học, doanh nghiệp và thị trường lao động theo đúng các quy định hiện hành.

Tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đảm bảo đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho người học tham gia đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề. Tăng cường phối hợp, liên kết với các Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thực hiện liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo. Thực hiện có hiệu quả, đúng quy định các chế độ chính sách cho người học trình độ cao đẳng, trung cấp.

Đảm bảo các điều kiện tổ chức đào tạo và thực hiện cung cấp dịch vụ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các đơn vị xã, phường tổ chức tuyển sinh, đào tạo, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp, cấp chứng chỉ, thực hiện công tác giáo vụ (sổ sách, biểu mẫu quản lý đào tạo) theo quy định; quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo, chi trả đầy đủ kinh phí hỗ trợ cho người học, thanh quyết toán kinh phí theo hợp đồng đặt hàng đúng quy định pháp luật hiện hành. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, thống kê tình trạng việc làm, thu nhập sau học nghề của lao động nông thôn do đơn vị đào tạo.

Kết nối, tổ chức ký kết hợp tác, liên kết với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong công tác đào tạo và giải quyết việc làm theo nhu cầu của doanh nghiệp.

Định kỳ (trước 15/12) báo cáo kết quả đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đơn vị mở lớp đào tạo; báo cáo kết quả triển khai thực hiện đào tạo nghề gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Xây dựng, ban hành kế hoạch đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng tại địa phương năm 2026 gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi, tổng hợp.

Tổ chức khảo sát, đề xuất danh mục ngành nghề đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng cho người lao động theo nhu cầu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp và thị trường lao động gửi Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tham mưu danh mục ngành nghề đào tạo.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến các quy định về chính sách giáo dục nghề nghiệp, chính sách hỗ trợ đào tạo và tạo việc làm sau đào tạo; tư vấn, định hướng ngành nghề đào tạo cho người lao động trên địa bàn; quyết định ngành, nghề đào tạo, số lượng học viên từng ngành nghề và chịu trách nhiệm về kết quả, chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề đáp ứng sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn, nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động.

Tổ chức triển khai thực hiện kiểm tra, thẩm định năng lực, các điều kiện tổ chức đào tạo sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng đối với các cơ sở đào tạo đăng ký tham gia đặt hàng đào tạo trên địa bàn trước khi ký hợp đồng đặt hàng đào tạo; xây dựng đơn giá và thực hiện đặt hàng đào tạo đối với các cơ sở đào tạo đủ điều kiện tổ chức đào tạo theo quy định; thực hiện thanh toán, quyết toán kinh phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.

Phối hợp với các cơ sở đào tạo tổ chức tuyển sinh, thẩm định xác nhận đối tượng được hỗ trợ đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức đào tạo. Quản lý mô hình thực hành sau đào tạo (nếu có) hợp lý, hiệu quả. Hỗ trợ người lao động tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, giải quyết việc làm sau đào tạo. Lập sổ theo dõi, đánh giá hiệu quả đào tạo, giải quyết việc làm sau đào tạo nghề trên địa bàn theo quy định.

Xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn.

Tổng hợp, báo cáo định kỳ (trước 15/12) kết quả triển khai thực hiện đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác đào tạo nghề, các chính sách hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ việc làm sau đào tạo; vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia học nghề; tư vấn miễn phí về đào tạo và giải quyết việc làm. Tham gia giám sát các nội dung của kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh năm 2026. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại kế hoạch này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lai Châu, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trường Cao đẳng Lai Châu;
- Công Thông tin Điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Thanh Hải

Phụ lục
CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NGHỀ NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

TT	Tên xã, phường	Chỉ tiêu giao (người)	Cơ sở đào tạo
	Tổng toàn tỉnh	4.700	
I	Trình độ cao đẳng, trung cấp	550	
	Trường Cao đẳng Lai Châu	550	
II	Trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng	4.150	
1	Xã Mường Kim	280	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Than Uyên; Nhà cung ứng dịch vụ sự nghiệp công khác
2	Xã Khoen On	120	
3	Xã Than Uyên	260	
4	Xã Mường Than	150	
5	Xã Pắc Ta	135	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Tân Uyên; Nhà cung ứng dịch vụ sự nghiệp công khác
6	Xã Nậm Sỏ	120	
7	Xã Tân Uyên	210	
8	Xã Mường Khoa	135	
9	Xã Bản Bo	60	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Tam Đường; Nhà cung ứng dịch vụ sự nghiệp công khác
10	Xã Bình Lư	168	
11	Xã Tả Lèng	120	
12	Xã Khun Há	90	
13	Phường Tân Phong	90	Trường Cao đẳng Lai Châu; Trung tâm GDNN-GDTX Tam Đường; Nhà cung ứng dịch vụ sự nghiệp công khác
14	Phường Đoàn Kết	90	Trường Cao đẳng Lai Châu; Trung tâm GDNN-GDTX Phong Thổ; Nhà cung ứng dịch vụ sự nghiệp công khác
15	Xã Sin Suối Hồ	90	Trung tâm GDNN-GDTX Phong Thổ; Nhà cung ứng dịch vụ sự nghiệp công khác
16	Xã Phong Thổ	168	
17	Xã Sì Lở Lầu	90	
18	Xã Dào San	60	
19	Xã Khổng Lào	60	

TT	Tên xã, phường	Chỉ tiêu giao (người)	Cơ sở đào tạo
	Tổng toàn tỉnh	4.700	
I	Trình độ cao đẳng, trung cấp	550	
	Trường Cao đẳng Lai Châu	550	
II	Trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng	4.150	
20	Xã Tủa Sín Chải	90	Trung tâm GDNN-GDTX Sìn Hồ; Nhà cung ứng dịch vụ sự nghiệp công khác
21	Xã Sìn Hồ	70	
22	Xã Hồng Thu	70	
23	Xã Nậm Tăm	90	
24	Xã Pu Sam Cáp	90	
25	Xã Nậm Cuối	60	
26	Xã Nậm Mạ	100	
27	Xã Lê Lợi	70	Trung tâm GDNN-GDTX Nậm Nhùn; Nhà cung ứng dịch vụ sự nghiệp công khác
28	Xã Nậm Hàng	90	
29	Xã Mường Mô	68	
30	Xã Hua Bum	54	
31	Xã Pa Tần	86	
32	Xã Bum Nưa	186	Trung tâm GDNN-GDTX Mường Tè; Nhà cung ứng dịch vụ sự nghiệp công khác
33	Xã Bum Tở	150	
34	Xã Mường Tè	60	
35	Xã Thu Lũm	100	
36	Xã Pa Ủ	90	
37	Xã Mù Cả	60	
38	Xã Tà Tổng	70	